TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **65**/2023/QĐST - DS	*Hàm Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLST - DS, ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Biên bản nêu ý kiến về kết quả hòa giải của bị đơn bà Trần Thị H.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Km61, xã Y, huyện X, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Bùi Xuân Q, sinh năm 1971.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện X, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả tiền, thời hạn và phương thức thanh toán: Ông Bùi Xuân Q và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị T số tiền 109.960.000đ (*Một trăm linh chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó chia ra: Ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 54.980.000đ (*Năm mươi tư triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 54.980.000đ (*Năm mươi tư triệu*

chín trăm tám mươi nghìn đồng). Phương thức trả nợ chia thành nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 17/7/2023, ông Bùi Xuân Q và bà Trần Thị H nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 9.960.000đ (*Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó ông Bùi Xuân Q phải trả cho bà Tâm số tiền 4.980.000đ (*Bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị H phải trả cho bà Tâm số tiền 4.980.000đ (*Bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

+ Ngày 06/11/2023, ông Bùi Xuân Q và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ phải thi hành tại thời điểm thanh toán. Trong đó ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh đối với nghĩa vụ trả nợ phải thi hành; bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh với khoản tiền nợ phải thi hành.

+ Ngày 06/3/2024, ông Bùi Xuân Q và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ phải thi hành tại thời điểm thanh toán. Trong đó ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh đối với nghĩa vụ trả nợ phải thi hành; bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh với khoản tiền nợ phải thi hành.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Thị T, hàng tháng ông Bùi Xuân Q và bà Trần Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền có nghĩa vụ phải trả tương ứng tại thời điểm thanh toán. Trường hợp ông Bùi Xuân Q và bà Bùi Thị T vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào thì bà Bùi Thị T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ khoản tiền mà các bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho bà Bùi Thị T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trong đó:

+ Nguyên đơn bà Bùi Thị T phải chịu 1.374.500đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm đồng*) án phí nhưng được miễn toàn bộ do là người cao tuổi.

+ Bị đơn ông Bùi Xuân Q phải chịu 687.000đ (*Sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị đơn bà Trần Thị H phải chịu 687.000đ (*Sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San